

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2017/HSST

Ngày: 10/4/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mộng Tuyền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Bà Trần Thúy Kiên

2/. Bà Thái Ánh Trinh

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Điều Khắc Khanh - Cán bộ
Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - Tp. Cần Thơ tham
gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt,
thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số
22/2017/HS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017, đối với bị cáo:

Võ Thị H - sinh năm 1971;

ĐKTT: khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ;

Dân tộc: Kinh,

Quốc tịch: Việt Nam;

Nghề nghiệp: nội trợ,

Trình độ học vấn: 9/12;

Họ tên cha: Võ Văn B – sinh năm: 1948 (chết);

Họ tên mẹ: Vi Thị Kim H – sinh năm: 1950 (sống);

Chồng: Huỳnh Thanh D – sinh năm: 1970 (sống);

Con có 02 người (lớn sinh năm 1993 và nhỏ sinh năm 1996);

Tiền án, Tiền sự: Chưa;

Bị bắt tạm giam từ ngày 19/7/2016 đến ngày 23/01/2017 thay thế biện pháp
ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* *Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị H:* Luật sư Lê Ngọc A – Văn phòng luật sư PKP thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Có mặt.

* *Người bị hại:*

1/ Bà Lê Kim Y – sinh năm: 1970.

2/ Bà Nguyễn Thị N – sinh năm: 1959.

Cùng địa chỉ: Khu vực D, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3/ Ông Đặng Văn N – sinh năm: 1966. Vắng mặt.

4/ Bà Trần Thị Mai T – sinh năm: 1966. Có mặt.

5/ Bà Nguyễn Thị S - sinh năm: 1978. Có mặt.

6/ Bà Nguyễn Thị Bé N – sinh năm: 1972. Có mặt.

7/ Bà Mai Thị Minh H – sinh năm: 1975. Vắng mặt.

8/ Bà Nguyễn Thị Tuyết N – sinh năm: 1968. Vắng mặt.

9/ Ông Lê Trung H – sinh năm: 1973. Vắng mặt.

10/ Bà Lê Thị M - sinh năm: 1971. Vắng mặt.

11/ Bà Vi Thị Kim X – sinh năm: 1959. Vắng mặt.

12/ Bà Phạm Kim N – sinh năm: 1956. Vắng mặt.

Tất cả cùng địa chỉ: Khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ NLQ 1 – sinh năm: 1964. Vắng mặt.

2/ NLQ 2 – sinh năm: 1949. Vắng mặt.

3/ NLQ 3 – sinh năm: 1975. Có mặt.

4/ NLQ 4 – sinh năm: 1962. Vắng mặt.

Có con: Chị Nguyễn Thị Ánh N – sinh năm: 1983.

5/ NLQ 5 – sinh năm: 1977. Có mặt.

6/ NLQ 6 – sinh năm: 1972. Vắng mặt.

7/ NLQ 7 – sinh năm: 1970. Có mặt.

8/ NLQ 8 – sinh năm: 1945. Có mặt.

9/ NLQ 9 – sinh năm: 1945. Có mặt.

10/ NLQ 10 – sinh năm: 1963. Có mặt.

11/ NLQ 11 – sinh năm: 1978. Có mặt.

12/ NLQ 12 – sinh năm: 1971. Có mặt.

Tất cả cùng địa chỉ: Khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

13/ NLQ 13 – sinh năm: 1974. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Khu vực D, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

14/ NLQ 14 – sinh năm: 1964. Có mặt.

15/ NLQ 15 – sinh năm: 1962. Vắng mặt.

Tất cả cùng địa chỉ: Khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

16/ NLQ 16 – sinh năm: 1981. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: khu vực Đ, phường E, quận C, thành phố Cần Thơ.

17/ NLQ 17 – sinh năm: 1974. Có mặt.

18/ NLQ 18 – sinh năm: 1986. Có mặt.

19/ NLQ 19 – sinh năm: 1970. Có mặt.

Tất cả cùng địa chỉ: Khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

20/ NLQ 20 – sinh năm: 1971. Có mặt.

Địa chỉ: Khu vực D, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

21/ NLQ 21 – sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Kv. Ê, phường F, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Võ Thị H bị Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ truy tố về hành vi sau:

Võ Thị H bắt đầu làm chủ hội, tổ chức cho nhiều người tham gia chơi từ năm 1998, đến kỳ khai hội thì các hội viên tập trung tại nhà của H thuộc khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ để khai hội. Hình thức khai hội là mỗi hội viên ghi tên của mình và số tiền vào một tờ giấy, sau đó bốc thăm nếu số tiền của người nào ghi trong giấy cao nhất sẽ được hốt hội, nhiều người có thể tham gia nhiều phần trong một dây hội và mỗi phần sẽ được hốt 01 lần, sau khi khai hội xong H sẽ gom tiền của những hội viên trong cùng một dây hội (bao gồm hội viên chưa hốt và những hội viên đã hốt) rồi đưa cho hội viên được hốt, mỗi hội viên được hốt phải đưa tiền hoa hồng (tức là tiền đầu thảo) cho H là 50% của một phần dây hội. Quá trình chơi hội, một số dây hội có những hội viên khi hốt hội rồi nhưng không tiếp tục đóng tiền cho H để đưa tiền cho những người được hốt hội sau (tức là đóng hội chết) nên H không có khả năng đóng thay những phần hội đó, vì vậy H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách lập ra dây hội 2.000.000đồng gồm 33 phần, một tháng khai một lần vào ngày 25 âm lịch, bắt đầu từ ngày 25/10/2010 âm lịch (nhằm ngày 30/11/2010 dương lịch), kết thúc ngày 25/6/2013 âm lịch (nhằm ngày 01/8/2013 dương lịch). Do có ý thức chiếm đoạt tiền của những hội viên từ trước nên khi lập dây hội này H đã tự ghi thêm tên 03 người tham gia 03 phần hội, gồm: chị Hương, cô Thùy và Tuyền để H hốt các phần hội của 03 người trên và H bán cho hội viên khác để lấy tiền. Trong quá trình khai hội có tháng các hội viên hốt hội, có tháng H dùng thủ đoạn bằng cách nói dối là có người này người kia nhờ hốt hội và ghi số tiền cao hơn

các hội viên khác để hốt hội được nhằm chiếm đoạt tiền. Thời gian chơi hội, hàng tháng các hội viên đều đóng tiền đầy đủ cho H, nhưng đến lần thứ 29 khai hội xong thì H tuyên bố bế hội, lúc này còn 04 lần tương đương với 04 tháng nữa là mãn dây hội nhưng trên thực tế còn 12 người gồm 17 phần chưa được hốt hội, cụ thể: Đặng Văn N 02 phần; Lê Kim Y 01 phần; Nguyễn Thị N 01 phần; Trần Thị Mai T 02 phần; Nguyễn Thị S 01 phần; Nguyễn Thị Bé N 01 phần; Mai Thị Minh H 01 phần; Nguyễn Thị Tuyết N 01 phần; Lê Trung H 01 phần; Lê Thị M 01 phần; Vi Thị Kim X 01 phần và Phạm Kim N 04 phần. Sau khi tuyên bố bế hội H không trả tiền cho các hội viên và vắng mặt tại địa phương, từ đó các hội viên đã trình báo cơ quan chức năng giải quyết yêu cầu H trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Quá trình điều tra chứng minh được trong 29 lần khai hội thì H tự kê và hốt hội được 16 lần, vào các lần khai hội thứ: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 28; số tiền H chiếm đoạt trong 16 lần khai hội là 301.240.000đồng và tiền H tự bán hội cho hội viên Nguyễn Thị S là 43.000.000đồng. Tổng số tiền H chiếm đoạt trong dây hội này là 344.240.000đồng (Ba trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, từ năm 2010 đến năm 2012 H còn làm chủ của 04 dây hội khác gồm: Dây hội 500.000đồng gồm 38 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 09 âm lịch, bắt đầu từ ngày 09/3/2011 âm lịch; Dây hội 500.000đồng gồm 39 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 09 âm lịch, bắt đầu từ ngày 09/3/2011 âm lịch; Dây hội 2.000.000đồng gồm 18 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 12 âm lịch, bắt đầu từ ngày 12/3/2012 âm lịch; Dây hội 1.000.000đồng gồm 15 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 01 âm lịch, bắt đầu từ ngày 01/6/2012 âm lịch. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định những dây hội trên không có dấu hiệu tội phạm, chỉ là tranh chấp dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã hướng dẫn cho những người có liên quan khởi kiện dân sự.

Ngày 18/01/2017, ông Huỳnh Thanh D (chồng của H) đã nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thốt Nốt số tiền là 20.000.000đồng nhằm khắc phục hậu quả cho H.

Tại Cáo trạng số: 29/CT.VKS ngày 03/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ truy tố Võ Thị H về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Võ Thị H đã khai nhận trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2012, bị cáo H đứng ra làm chủ nhiều dây hội cho nhiều người khác tham gia chơi hội để hưởng tiền huê hồng. Trong thời gian làm chủ hội do không có khả năng đóng thay những phần hội chết của hội viên hốt trước nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của những hội viên khác

bằng cách lập ra dây hụi 2.000.000đồng gồm 33 phần, một tháng khui một lần vào ngày 25 âm lịch, bắt đầu từ ngày 25/10/2010 âm lịch (nhằm ngày 30/11/2010 dương lịch), kết thúc ngày 25/6/2013 âm lịch (nhằm ngày 01/8/2013 dương lịch). Khi lập dây hụi này bị cáo đã tự ghi thêm tên “*chị Hương, cô Thùy và Tuyền*” tham gia vào 03 phần hụi để bị cáo hốt các phần hụi này và bán cho hụi viên khác để lấy tiền. Quá trình khui hụi bị cáo mượn danh những hụi viên không tham gia khui hụi và tự ý ghi số tiền cao hơn các hụi viên khác để hốt hụi nhằm chiếm đoạt 16 phần hụi với tổng số tiền 301.240.000đồng và tự bán 01 phần hụi cho hụi viên với số tiền 43.000.000đồng. Cụ thể hành vi phạm tội như cáo trạng Viện Kiểm sát truy tố. Nay bị cáo ăn năn, hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại và người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình điều tra, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố, không bổ sung gì thêm; đồng thời phân tích hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội; bên cạnh nêu các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thị H từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: thống nhất với tội danh và điều luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Luật sư nhấn mạnh thêm các tình tiết giảm nhẹ cụ thể như bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho một số người bị hại và có một số người bị hại có đơn xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hiện tại bị cáo đang bị bệnh gai thoái hóa xương bánh chè trái, rách vòng sơ lồi đĩa đệm...nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt đối với bị cáo là 02 năm tù cho hưởng án treo.

Xét, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa như các biên bản về hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng v.v...

Như vậy, có cơ sở để xác định bị cáo Võ Thị H đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền 344.240.000đồng. Hành vi sai trái đó đã đủ yếu tố kết luận bị cáo H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo là phụ nữ đã có chồng con nhưng không chịu khó chuyên tâm lao động chân chính để tạo ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, chỉ vì lòng tham muốn có nhiều tiền tiêu xài một cách nhanh chóng mà không phải bỏ ra công sức lao động chính đáng, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối lập ra dây hụi 2.000.000đồng do bị cáo làm chủ và ghi không tên của 03 hụi viên để bị cáo hốt các phần hụi này và bán

cho hội viên khác để chiếm đoạt tiền. Mặt khác, bị cáo còn lợi dụng sự tin tưởng của những hội viên trong dây hội, nói dối là “Có người này, người kia nhờ hốt hội và tự ghi sổ tiền kêu ca hơn các hội viên khác để hốt được hội”. Bằng thủ đoạn này bị cáo đã chiếm đoạt của nhiều người với tổng số tiền 344.240.000đồng. Điều đáng phê phán là sau khi phạm tội bị cáo còn né tránh nhằm trốn tránh trách nhiệm. Do vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm sát đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo luật định mặc dù bị cáo chỉ thành khẩn khai báo ở mức độ nhất định và cho đến thời điểm xét xử bị cáo cũng chỉ khắc phục một phần cho một số người bị hại và đề nghị quyết định mức hình phạt cho bị cáo nhẹ hơn quy định của bộ luật hình sự là phù hợp và đã đảm bảo quyền lợi cho bị cáo. Đối với lý do bị cáo bị bệnh và có cung cấp các kết quả khám bệnh, nhưng đây không phải là bệnh hiểm nghèo nên không thể xem xét mức hình phạt như đề nghị của Luật sư.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có cân nhắc đến lời bào chữa của Luật sư khi đề cập đến nhân thân bị cáo tốt, chưa tiền án, tiền sự, trong điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nhất định và tỏ ra ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của bản thân nên đã vận động gia đình khắc phục một phần hậu quả và một số người bị hại cũng có đơn xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và vận dụng điều 47 Bộ luật hình sự giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Do hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn có xác nhận của địa phương nên Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát và Luật sư miễn cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ danh sách hội 2.000.000đồng/tháng, khai ngày 25/10/2010 (âm lịch) 33 phần hội. Quá trình tham gia dây hội hàng tháng các hội viên đều đóng tiền đầy đủ cho H, cho đến lần thứ 29 khai hội xong thì bị cáo tuyên bố bẻ hội (bình quân mỗi phần hội đã đóng tương đương số tiền 25.610.000đồng), nhưng trên thực tế còn 12 người gồm 17 phần hội chưa được hốt. Nay các bị hại yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền hội đã đóng cho các bị hại.

Quá trình điều tra chứng minh được dây hội 2.000.000đồng/tháng, khai ngày 25/10/2010 (âm lịch) bị cáo tự kêu hốt 16 phần, chiếm đoạt số tiền 301.240.000đồng, tương ứng với 17 phần hội chưa hốt, tính bình quân mỗi phần hội bị cáo chiếm đoạt số tiền 17.720.000đồng và tự bán cho hội viên 01 phần hội, chiếm đoạt số tiền 43.000.000đồng. Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ Luật Dân sự 2015 và yêu cầu của người bị hại, xét cần buộc bị cáo Võ Thị H phải bồi thường cho những người bị hại: Đặng Văn N 02 phần với số tiền 35.440.000đồng; Lê Kim Y 01 phần với số tiền 17.720.000đồng; Nguyễn Thị N 01 phần, số tiền 17.720.000đồng; Trần Thị Mai T 02 phần, số tiền 35.440.000đồng; Nguyễn Thị S 02 phần (tham gia 01 phần, mua 01 phần) số tiền 17.720.000đồng + 43.000.000 =

60.720.000đồng; Nguyễn Thị Bé N 01 phần, số tiền 17.720.000đồng; Mai Thị Minh H 01 phần, số tiền 17.720.000đồng bà Mai Thị Minh H xác nhận bị cáo đã bồi thường xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm (Theo tờ khai lập ngày 07/4/2017 có xác nhận của chính quyền địa phương); Nguyễn Thị Tuyết N 01 phần, số tiền 17.720.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị Tuyết N được 5.000.000đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bà Nguyễn Thị Tuyết N 12.720.000đồng; Lê Trung H 01 phần, số tiền 17.720.000đồng; Lê Thị M 01 phần, số tiền 17.720.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bà Lê Thị M được 5.000.000đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bà Lê Thị M 12.720.000đồng; Vi Thị Kim X 01 phần, số tiền 17.720.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bà Vi Thị Kim X được 5.000.000đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bà Vi Thị Kim X 12.720.000đồng và Phạm Kim N 04 phần, số tiền 70.880.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bà Phạm Kim N được 10.000.000đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho Phạm Kim N 60.880.000đồng.

Đối với số tiền chênh lệch của dây hụi 2.000.000đồng, khai ngày 25/10/2010 (âm lịch), sau khi trừ số tiền buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại, số tiền còn lại không liên quan đến tội phạm nên xác định đây là quan hệ dân sự. Ngoài ra, từ năm 2010 đến năm 2012 H còn làm chủ 04 dây hụi khác gồm: Dây hụi 500.000đồng gồm 38 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 09 âm lịch, bắt đầu từ ngày 09/3/2011 âm lịch; Dây hụi 500.000đồng gồm 39 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 09 âm lịch, bắt đầu từ ngày 09/3/2011 âm lịch; Dây hụi 2.000.000đồng gồm 18 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 12 âm lịch, bắt đầu từ ngày 12/3/2012 âm lịch; Dây hụi 1.000.000đồng gồm 15 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 01 âm lịch, bắt đầu từ ngày 01/6/2012 âm lịch. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định những dây hụi trên không có dấu hiệu tội phạm, chỉ là tranh chấp dân sự nghĩ nên tách ra giải quyết thành vụ án dân sự khác khi các đương sự có đơn khởi kiện.

Về xử lý vật chứng: Trong điều tra, ông Huỳnh Thanh D là chồng bị cáo H đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo H, nghĩ nên tiếp tục giao cho Chi cục Thi hành án Dân sự quận Thốt Nốt quản lý để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vật chứng vụ án gồm 01 mảnh giấy học sinh được ghi bằng nét viết mực xanh, có nội dung hụi 2.000.000đồng; 03 mảnh giấy tập học sinh được ghi bằng nét viết mực xanh, có nội dung hụi 500.000đồng; 02 mảnh giấy tập học sinh được ghi bằng nét viết mực xanh có nội dung bán hụi; 01 quyển sổ nhỏ bìa màu xanh bên trong có nội dung ghi hụi 2.000.000đồng; 01 quyển sổ tay nhỏ được bao lớp nhựa bên ngoài có liên quan đến tội phạm cần thiết tịch thu lưu hồ sơ vụ án là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định và án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường cho người bị hại là $5\% \times 301.520.000\text{đồng} = 15.076.000\text{đồng}$.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở;

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên án:** Bị cáo **Võ Thị H** phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- *Áp dụng:* điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Võ Thị H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án (được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2016 đến ngày 23/01/2017).

Hình phạt bổ sung: Miễn cho bị cáo.

- *Áp dụng:* Điều 584, 585, 589 Bộ Luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Võ Thị H có trách nhiệm bồi thường cho những người bị hại: Đặng Văn N 35.440.000đồng; Lê Kim Y 17.720.000đồng; Nguyễn Thị N 17.720.000đồng; Trần Thị Mai T 35.440.000đồng; Nguyễn Thị S 60.720.000đồng; Nguyễn Thị Bé N 17.720.000đồng; Mai Thị Minh H 17.720.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường xong cho Mai Thị Minh H ; Nguyễn Thị Tuyết N 17.720.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho Nguyễn Thị Tuyết N được 5.000.000đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho Nguyễn Thị Tuyết N 12.720.000đồng; Lê Trung H 17.720.000đồng; Lê Thị M 17.720.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho Lê Thị M được 5.000.000đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho Lê Thị M 12.720.000đồng; Vi Thị Kim X 17.720.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho Vi Thị Kim X được 5.000.000đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho Vi Thị Kim X 12.720.000đồng và Phạm Kim N 70.880.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho Phạm Kim N được 10.000.000đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho Phạm Kim N 60.880.000đồng.

Thời gian và phương thức thanh toán được giải quyết tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận C theo thẩm quyền.

Tách yêu cầu của những người bị hại đối với số tiền chênh lệch của dây hụi 2.000.000đồng, khai ngày 25/10/2010 (âm lịch), sau khi trừ số tiền buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại và yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với 04 dây hụi gồm: Dây hụi 500.000đồng gồm 38 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 09 âm lịch, bắt đầu từ ngày 09/3/2011 âm lịch; Dây hụi 500.000đồng gồm 39 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 09 âm lịch, bắt đầu từ ngày 09/3/2011 âm lịch; Dây hụi 2.000.000đồng gồm 18 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 12 âm lịch, bắt đầu từ ngày 12/3/2012 âm lịch; Dây hụi 1.000.000đồng gồm 15 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 01 âm lịch, bắt đầu từ ngày 01/6/2012 âm lịch giải quyết thành vụ án dân sự khác khi các đương sự có đơn khởi kiện.

- *Áp dụng:* Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận C tiếp tục quản lý số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) do gia đình bị cáo giao nộp để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án vật chứng gồm: 01 mảnh giấy học sinh được ghi bằng nét viết mực xanh, có nội dung hui 2.000.000đồng; 03 mảnh giấy tập học sinh được ghi bằng nét viết mực xanh, có nội dung hui 500.000đồng; 02 mảnh giấy tập học sinh được ghi bằng nét viết mực xanh có nội dung bán hui; 01 quyển sổ nhỏ bìa màu xanh bên trong có nội dung ghi hui 2.000.000đồng; 01 quyển sổ tay nhỏ được bao lớp nhựa bên ngoài.

- *Áp dụng:* Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Thị H phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 15.076.000đ (Mười lăm triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C.

Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận C;
- Công an quận C;
- Cơ quan THA quận C;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Tuyền